TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **899**/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 02 - 10 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Ông Lê Thọ Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2018/HNGĐ-ST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4073/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện nay: chung cư X phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: chung cư N, phường C, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện nay: phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Sỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Sỹ D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/12/2000 tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở nhiều nơi đến năm 2005 thì chuyển đến sống tại phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D không chăm lo đến cuộc sống gia đình, con cái, mọi việc đều do bà một tay quán xuyến, lo toan. Từ năm 2009 đến nay, ông D nhiều lần ghen tuông vô cớ, đánh mắng, quản thúc cuộc sống cá nhân của bà một cách thô bạo như: giữ các giấy tờ cá nhân của bà và các con, cài đặt thiết bị nghe lén điện thoại của bà. Đã nhiều lần bà bỏ qua để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay, bà và các con đã dọn về căn hộ chung cư X phường B, Quận Y sinh sống cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Trần Hải M sinh ngày 10/5/2001 và Nguyễn Sỹ Hải V sinh ngày 26/7/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/con/tháng. Trường hợp hai con chung đồng ý sống với ông D thì bà sẽ tôn trọng ý kiến để hai con sống với ông D.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: không có.

- *Bị đơn ông Nguyễn Sỹ D trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày về việc kết hôn, con chung thì đúng như lời bà H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây, do tác động từ bên ngoài nên vợ chồng ông có bất đồng trong cách nuôi dạy con cái, cụ thể là bà H muốn cho các con đi du học nước ngoài trong khi khả năng tài chính gia đình thì không có, bản thân ông cho rằng các con còn nhỏ chưa thể tự lập được từ đó hai bên xảy ra mâu thuẫn. Ông không đồng ý với ý kiến bà H nói ông sống ích kỷ, không biết chăm lo cuộc sống gia đình, đánh mắng, ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến ba mẹ bà vì nếu có như vậy thì không tạo được cuộc sống gia đình suốt 18 năm nay, trong trường

hợp nếu ông có bạo hành, đánh bà H thì phải có giấy chứng nhận thương tích hoặc Công an địa phương lập biên bản về việc ông đã đánh bà.

Nay ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm và thương yêu vợ con, mong muốn các con trưởng thành có đủ cha và mẹ để cùng nhau nuôi dạy các con chung.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2018/HNGĐ-ST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Sỹ D.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/12/2000 tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Hồng H và ông Nguyễn Sỹ D hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Hải M sinh ngày 10/5/2001 và Nguyễn Sỹ Hải V sinh ngày 26/7/2007 cho bà H trực tiếp dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng (hai trẻ là 6.000.000 đ/1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành. Thời hạn bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2018.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H yêu cầu để tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung không có, ông D không có ý kiến về việc này do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các bên có yêu cầu tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ngày 13/7/2018, ông Nguyễn Sỹ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Sỹ D, đồng thời là bị đơn trong vụ án, trình bày: ông kháng cáo bản án sơ thẩm vì án xử không khách quan, không xem xét hoàn cảnh của ông gây thiệt hại cho ông; cụ thể, ông còn thương bà H và thương các con, muốn các con có gia đình đầy đủ; vợ chồng ông chỉ bất đồng trong quan điểm nuôi dạy con, cụ thể bà muốn con gái lớn Hải My đi du học, ông không đồng ý do kinh tế gia đình không đủ lo cho con ăn học nước ngoài, nếu con đi phải bươn chải vất vả lo tiền học vì vậy không đồng ý ly hôn. Ông thừa nhận vợ chồng ông đã sống ly thân từ ngày bà H xin ly hôn đến nay,

bà không chịu nói chuyện với ông dù ông nhiều lần đề nghị, hiện nay ông cũng không có cách thức nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông tin rằng thời gian có thể thay đổi nên xin tòa tạo điều kiện thời gian cho ông. Về mức cấp dưỡng nuôi con, do ông đang đau bệnh (viêm dạ dày mãn tính hàn chuyển nghịch sản ruột, cao huyết áp, dãn tĩnh mạch chi dưới, bướu cổ nhiễm độc giáp, rối loạn lo âu, đã hai lần phải nhập viện điều trị, phải uống thuốc hàng ngày), và ông còn phải chăm lo cho người mẹ già nay đã 92 tuổi, không còn khả năng lao động (ông là con một), với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng hiện nay của ông thì không thể đảm bảo mức cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/2con/tháng nhưng tòa sơ thẩm vẫn buộc ông có trách nhiệm mà không xét hoàn cảnh của ông, nay ông đề nghị mức cấp dưỡng cho con là 1.500.000 đồng/con/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/2 con/tháng nếu vợ chồng ly hôn và đồng ý nguyện vọng 2 con muốn ở với mẹ.

- Nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng H trình bày: vợ chồng bà mâu thuẫn đã rất lâu, hiện tại không thể nào hàn gắn được nữa, thời gian qua sống ly thân bà và các con cảm thấy rất sung sướng và thoải mái, bà không còn tình cảm gì với ông D, không muốn và không đồng ý nói chuyện với ông D nữa. Tình trạng hôn nhân của bà đã không thể cứu vãn, bà chỉ có một tâm nguyện duy nhất là được ly hôn để giải thoát bản thân khỏi ông D, yên tâm nuôi dạy, chăm sóc con cái. Bà đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/2 con/tháng mà ông D đưa ra. Do hai con bà có nguyện vọng ở với mẹ, bà xin được tiếp tục nuôi hai con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của ông D hợp lệ; về nội dung kháng cáo: Xét thấy ông D bà H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của đương sự có thể thấy rõ cả hai bên mâu thuẫn đã trầm trọng, nay bà H xác định không còn chút tình cảm gì với ông D và cương quyết xin ly hôn; ông D không đồng ý nhưng không có biện pháp nào cải thiện, thay đổi tình trạng hôn nhân nên án sơ thẩm xử cho hai bên ly hôn là có cơ sở; về mức cấp dưỡng nuôi con hai bên thống nhất thay đổi đề nghị tòa ghi nhận. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm theo hướng trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ D làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông D và bà H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, ông D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về việc nuôi dạy con nhưng do còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên là có thật, kéo dài đã lâu không giải quyết được, hai bên đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau đả gần 2 năm nay, bà H khẳng định không còn tình cảm gì với ông D; như vậy tình cảm nếu có chỉ là tình đơn phương một phía từ ông D, hôn nhân muốn hạnh phúc cần phải xây dựng trên cơ sở tình cảm và tự nguyện, nay tình cảm đó đã không trọn vẹn; ông D không đồng ý ly hôn, xin tòa tạo điều kiện về thời gian để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng tại phiên tòa ông nhiều lần đề nghị bà H cho ông cơ hội để hai bên nói chuyện với nhau, bà H không chấp nhận, ông D cũng không đưa ra được cách thức, biện pháp nào hữu hiệu có thể cải thiện mối quan hệ giữa hai vợ chồng, không có gì để bảo đảm rằng qua thời gian quan hệ giữa hai vợ chồng sẽ tốt hơn; do đó, án sơ thẩm xử cho hai bên ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Về mức cấp dưỡng nuôi con, bà H ông D đã thỏa thuận điều chỉnh là không trái luật, không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận, vì vậy cần sửa một phần án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiếm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Về tài sản chung hai bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung hai bên khai không có nên không xét.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và về việc cấp dưỡng nuôi con ông D chịu, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 306 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ D về mặt hình thức.

* Về nội dung: chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ D.

1. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 648/2018/ HNGĐ-ST ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về mức cấp dưỡng nuôi con như sau:

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Hải M (nữ), sinh ngày 10/5/2001 và Nguyễn Sỹ Hải V (nữ), sinh ngày 26/7/2007 cho mẹ là bà Trần Thị Hồng H trực tiếp dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1 con/tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Các quyết định khác của bản sơ thẩm không bị sửa vẫn giữ nguyên.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng bà Trần Thị Hồng H chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009732 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Sỹ D chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Sỹ D không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp cho ông Nguyễn Sỹ D là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011411 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND quận T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương